

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1111/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 205/TTr-STNMT ngày 20 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Trúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ
về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 28/6/2013
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai có hiệu quả các yêu cầu và nhiệm vụ tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, cải thiện và từng bước nâng cao chất lượng môi trường, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường phục vụ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể, doanh nghiệp và toàn cộng đồng về trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường.

b) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, huy động được sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cá nhân vào công tác này.

d) Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu dân cư và các khu vực bị ô nhiễm do hoạt động khai thác khoáng sản, do chất thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề, bệnh viện, do tồn dư thuốc BVTV...

II. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; nâng cao chất lượng thẩm định yêu cầu bảo vệ môi trường trong các dự án phát triển

a) Chỉ phê duyệt dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được phê duyệt (đối với các dự án do các đơn vị nhà nước làm chủ đầu tư); tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm, kiên quyết tạm đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng; thực hiện tốt việc công khai thông tin các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Đối với những khu công nghiệp, cụm công nghiệp xây mới: Việc xây dựng các nhà máy, dự án trong khu, cụm công nghiệp chỉ được tiến hành sau khi khu, cụm công nghiệp đã hoàn thành nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định, bảo đảm xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

c) Đối với những khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có các nhà máy hoạt động nhưng chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định thì phải nhanh chóng xây dựng và đưa vào sử dụng trong năm 2014.

d) Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động ĐTM, đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các dự án phát triển, đặc biệt ở khâu thẩm định; các công trình trước khi khởi công phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM; tăng cường kiểm tra sau thẩm định báo cáo ĐTM, xác nhận bản cam kết BVMT, bảo đảm các dự án thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM trước khi đi vào hoạt động chính thức phải được xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp BVMT.

2. Chú trọng bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản

a) Tập trung thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.

b) Thực hiện nghiêm túc các quy định về lập báo cáo ĐTM/cam kết BVMT, đề án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, lưu ý khi thẩm định đề án ký quỹ BVMT trong khai thác khoáng sản phải lưu ý đến tính toán chi phí dự phòng về trượt giá, dự phòng tăng chi phí nhân công do tăng lương, bảo đảm kinh phí cho các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; làm rõ phương án, trách nhiệm cải tạo phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân.

c) Ban hành quy định riêng về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

d) Ban hành Quy chế BVMT trong hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản trên địa bàn Tỉnh, làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản.

3. Tập trung khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề

a) Tăng cường kiểm soát việc sử dụng hóa chất nông nghiệp; hướng dẫn và đẩy mạnh thực hiện thu gom, xử lý bao bì thuốc trừ dịch hại, phân bón, thức ăn chăn nuôi.

b) Có biện pháp cụ thể nhằm tập trung xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải rắn khu vực nông thôn và hoạt động chăn nuôi tập trung, chăn nuôi xen kẽ trong các khu dân cư gây ra; cương quyết đóng cửa các nghĩa trang không đáp ứng tiêu chí về BVMT.

c) Ưu tiên bố trí quỹ đất thỏa đáng và quan tâm đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

d) Tập trung xử lý các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tổ chức khoanh vùng các khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; cảnh báo và hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe người dân tại các khu vực này; khẩn trương ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề.

đ) Xây dựng, ban hành cơ chế huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các làng nghề được công nhận, đặc biệt là đối với các làng nghề truyền thống.

e) Rà soát các quy hoạch ngành nghề, làng nghề nông thôn, lập danh mục các loại hình và quy mô làng nghề cần được bảo tồn và phát triển; các loại hình và quy mô sản xuất làng nghề cần phải loại bỏ khỏi khu vực dân cư, nông thôn.

g) Đào tạo nhân lực, mặt bằng sản xuất, thị trường tiêu thụ sản phẩm và đầu tư phát triển làng nghề; xây dựng các hương ước, quy ước gắn với BVMT làng nghề.

h) Rà soát, chỉnh sửa Quy hoạch quản lý chất thải rắn và hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (bổ sung các vị trí lưu giữ trung chuyển và xử lý chất thải nguy hại).

i) Hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cho các đơn vị thu gom rác tại các khu vực nông thôn hoặc khu vực không có đơn vị công ích thực hiện thu gom, xử lý rác.

k) Thực hiện lồng ghép có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

4. Chỉ đạo quyết liệt, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các đô thị và các lưu vực sông

a) Tổ chức đánh giá khả năng chịu tải của các lưu vực sông trong tỉnh, làm cơ sở phân vùng xả thải nước thải nhằm phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm các lưu vực sông.

b) Các khu dân cư, đô thị mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

c) Kiểm soát có hiệu quả nguồn thải của các phương tiện giao thông vận tải theo tiêu chuẩn đã được ban hành; triển khai các chính sách khuyến khích các phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch, không gây ô nhiễm môi trường.

d) Kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về BVMT theo quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng tại các khu đô thị mới, các công trình công cộng.

đ) Nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch đầu tư, xử lý nước thải tại các đô thị và các lưu vực sông theo lộ trình hợp lý khi Chương trình quốc gia về nội dung này được ban hành.

e) Xây dựng Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và ban hành Quy chế quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên phạm vi tỉnh Phú Yên.

g) Xây dựng ban hành Quy chế quản lý chất thải nguy hại trên phạm vi tỉnh Phú Yên.

h) Tăng cường năng lực quan trắc môi trường không khí, nước tại các lưu vực sông trong tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực BVMT.

i) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động liên ngành để tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT trong hoạt động giao thông vận tải và xây dựng tại các đô thị.

5. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu phế liệu

Triển khai đầy đủ các nội dung của Công ước Basel về kiểm soát chất thải xuyên biên giới và việc tiêu hủy chúng; tăng cường trao đổi thông tin, chủ động ngăn ngừa có hiệu quả việc vận chuyển chất thải vào địa bàn Tỉnh.

6. Ngăn chặn có hiệu quả sự suy thoái của các hệ sinh thái, suy giảm các loài

a) Tổ chức thực hiện các đề án, nhiệm vụ ưu tiên theo Kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn sinh học đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định 188/QĐ-UBND ngày 24/01/2013.

b) Xác định phạm vi ranh giới diện tích, hiện trạng, thống kê, phân loại đối tượng tham gia cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Tỉnh.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đa dạng sinh học; triển khai quyết liệt việc kiểm tra, phát hiện, xử lý hành vi buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

d) Tăng cường kiểm tra, ngăn chặn nạn phá rừng làm nương rẫy gây suy thoái môi trường; tổ chức trồng rừng, phục hồi hệ sinh thái rừng đối với các dự án thủy điện.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

a) Ưu tiên tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; tăng dần tỷ lệ phân bổ cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

b) Thể chế hóa các cơ chế, chính sách về khuyến khích xã hội hóa, thu hút nguồn lực cho bảo vệ môi trường; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ công tác BVMT, tập trung nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, các mô hình phát triển kinh tế xanh.

c) Tăng thời lượng, nội dung các chương trình về BVMT trên sóng truyền hình, phát thanh các cấp trong Tỉnh.

d) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đưa nội dung bảo vệ môi trường vào trường học; tăng thời lượng giảng dạy chính khóa, các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường cho từng cấp học.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT.

e) Xây dựng Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ BVMT trong danh mục Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Tỉnh.

g) Xây dựng đề án tăng cường biên chế và năng lực cho đội ngũ làm công tác BVMT.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, đoàn thể... căn cứ các nội dung tại Mục II của Kế hoạch, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng thành các nhiệm vụ, dự án cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và đưa vào kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm để tổ chức triển khai thực hiện.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị trực thuộc UBND Tỉnh căn cứ danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên và các nội dung của Kế

hoạch, đề xuất phân bổ kinh phí triển khai thực hiện trong kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm của Tỉnh.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND Tỉnh:

- Đề xuất kiện toàn tổ chức quản lý nhà nước về môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã và cơ sở; tăng cường phân cấp, phân nhiệm và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các sở, ngành và địa phương.

- Hướng dẫn lồng ghép các tiêu chí về môi trường trong đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, gia đình, làng, bản; trong đó gắn tiêu chí về môi trường với công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ngành và các địa phương.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Đơn vị đầu mối phối hợp, tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch; theo dõi, đánh giá và báo cáo định kỳ kết quả triển khai Kế hoạch với lãnh đạo UBND Tỉnh, kịp thời đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nếu có, đảm bảo Kế hoạch được thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả cao.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, đào tạo kiến thức môi trường cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước theo các nội dung của Kế hoạch đã được duyệt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và trình UBND tỉnh chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ về BVMT đến năm 2015 nhằm triển khai các nội dung của Kế hoạch; trong đó ưu tiên bố trí tăng kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm cho lĩnh vực môi trường.

5. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ và Kế hoạch này tới cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, danh mục các dự án, nhiệm vụ ưu tiên và các nội dung của Kế hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện trong Kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

6. UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ liên quan trên địa bàn.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức thành viên phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các địa phương:

- Huy động sức mạnh tổng hợp của phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường; tiếp tục đẩy mạnh các đợt phát động, chú trọng đổi mới phương thức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các chiến dịch, phong trào, cuộc vận động cộng đồng tham gia BVMT.

- Đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, biện pháp, chương trình, đề án BVMT; tạo điều kiện tốt nhất để nhân dân phát huy quyền làm chủ, tự giác, tích cực thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về BVMT./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Trúc

PHỤ LỤC 1

Danh mục các dự án, nhiệm vụ ưu tiên triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

STT	Dự án, nhiệm vụ ưu tiên	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thứ tự ưu tiên	Thời gian thực hiện
1	Quy định về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	Các sở, ngành, địa phương liên quan trong Tỉnh	1	2013
2	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường VN hiện hành tại các KCN, cụm CN	Ban quản lý KKT; UBND các huyện, TP, TX	Sở TN&MT, Sở KH&CN	2	2013 - 2015
3	Xử lý ô nhiễm triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định 64/2002/QĐ-TTg)	Sở Y tế, UBND TP. Tuy Hòa	Sở TN&MT, Sở TC, Sở KH&ĐT	3	2013-2016
4	Xử lý ô nhiễm triệt để tại các kho thuốc BVTV tồn lưu	Sở TN&MT	Phòng TNMT các huyện, TP, TX liên quan	4	2013-2016
5	Tổ chức đánh giá khả năng chịu tải của các lưu vực sông trong tỉnh, làm cơ sở phân vùng xả thải nước thải nhằm phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm các lưu vực sông	Sở TN&MT	Phòng TNMT các huyện, TP, TX liên quan	5	2013-2015
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐDSH trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT UBND các huyện, TP, TX liên quan	6	2014-2016
7	Đề án “Quản lý chất thải rắn khu vực nông thôn tỉnh Phú Yên đến năm 2020”	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, TP, TX liên quan	7	2014 - 2020
8	Quy chế BVMT trong hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản trên địa bàn Tỉnh	Sở TN&MT	Các sở, ngành, địa phương liên quan trong Tỉnh	8	2014
9	Rà soát, chỉnh sửa “Quy hoạch bãi rác và hệ thống nghĩa trang	Sở Xây dựng	nt	9	2014

STT	Dự án, nhiệm vụ ưu tiên	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thứ tự ưu tiên	Thời gian thực hiện
	trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”				
10	Quy chế quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Sở TN&MT	nt	10	2014
11	Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	Sở Y tế	nt	11	2014
12	Đề án tăng cường biên chế và năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo vệ môi trường	Sở Nội vụ	Sở TN&MT, UBND các huyện, TP, TX, BQL KKT	12	2014
13	Điều tra và đề xuất giải pháp BVMT đối với tình trạng ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ xen kẽ trong các khu dân cư	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Sở TN&MT; Sở NN&PTNT; Sở KH&CN	13	2014-2015
14	Cơ chế huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các làng nghề được công nhận, đặc biệt là đối với các làng nghề truyền thống	Sở NN&PTNT	Sở Tài chính; các sở, ngành, địa phương liên quan	14	2014-2015
15	Rà soát các quy hoạch ngành nghề, làng nghề nông thôn, lập danh mục các loại hình và quy mô làng nghề cần được bảo tồn và phát triển; các loại hình và quy mô SX làng nghề cần phải loại bỏ khỏi khu vực dân cư, nông thôn	Sở NN&PTNT	Sở Công Thương; Sở TN&MT, các sở, ngành, địa phương liên quan	15	2015
16	Cơ chế phối hợp hoạt động liên ngành để tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải và xây dựng tại các đô thị	Sở Giao thông vận tải	Công an Tỉnh; Sở Xây dựng; UBND các huyện, TP, TX	16	2015